

Số: /STTTT-CNTTBCVT

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 6 năm 2022

V/v báo cáo các nội dung liên quan
đến Chỉ số ICT Index và DTI

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Phúc đáp Công văn số 1386/SNV-CCHC ngày 27/5/2022 của Sở Nội vụ về việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo các nội dung liên quan đến Chỉ số ICT Index và DTI theo đề nghị của Sở Nội vụ như sau:

1. Giới thiệu tổng quan về Chỉ số

a) Chỉ số ICT Index

Báo cáo chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT (Báo cáo Vietnam ICT Index) được Bộ Thông tin và Truyền thông tiến hành thực hiện từ năm 2006 nhằm đánh giá xếp hạng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các ngân hàng thương mại.

Báo cáo Vietnam ICT Index được xây dựng dựa trên hệ thống chỉ số EGDI của Liên hợp quốc, với 04 thành phần chính là: Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng nhân lực, ứng dụng nội bộ và dịch vụ công trực tuyến; cung cấp thông tin về thực trạng phát triển và ứng dụng CNTT-TT tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những đánh giá, xếp hạng về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT dựa trên cơ sở số liệu thu thập được từ các khối: Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty và Ngân hàng thương mại.

Việc nâng cao mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT-TT của Việt Nam nói chung cũng như các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp nói riêng là hết sức trọng yếu cho việc triển khai các đề án, chiến lược trọng tâm như Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, Chương trình Phát triển công nghiệp CNTT, điện tử - viễn thông đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030, Chiến lược phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam - Make in Viet Nam, góp phần giúp các bộ, ngành, địa phương nâng cao thứ hạng các chỉ số PCI, PAR, PAPI, và EBI, đồng thời góp phần giúp Việt Nam nâng cao thứ hạng về Chính phủ điện tử trong bảng xếp hạng EDGI của Liên hợp quốc.

b) Chỉ số chuyển đổi số (DTI)

Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia (Digital Transformation Index - DTI) dùng để theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các đơn vị bộ, tỉnh, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; giúp bộ, ngành, địa phương thấy được những điểm mạnh cần phát huy, những điểm yếu cần khắc phục và cung cấp thông tin hỗ trợ cho tỉnh và các cơ quan liên quan thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu đã được đề ra tại Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

DTI áp dụng cho 03 cấp: Tỉnh, bộ, quốc gia. Trong đó, Bộ chỉ số DTI cấp tỉnh được cấp trực theo 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, gồm thông tin chung và chỉ số đánh giá với 09 chỉ số chính, 98 chỉ số thành phần.

Việc đánh giá chỉ số DTI cấp tỉnh thực hiện lần đầu vào năm 2020 theo Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông và hiện đang trong giai đoạn đánh giá lần thứ hai theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Kết quả Chỉ số và vị trí xếp hạng mà tỉnh đạt được từ năm 2016 - 2021 trên các tiêu chí /chỉ số, tiêu chí/chỉ số thành phần; có so sánh với các tỉnh, thành theo khu vực đánh giá và trong cả nước

a) Kết quả ICT Index tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2022

Xếp hạng chỉ số ICT Index giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Khánh Hòa ở mức khá so với cả nước và các tỉnh, thành phố trong khu vực; xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố năm 2016; 11/63 tỉnh, thành phố năm 2017; 15/63 tỉnh, thành phố năm 2018; 17/63 tỉnh, thành phố năm 2019 và xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố năm 2020, cụ thể:

Nội dung	Năm					
	2021	2020	2019	2018	2017	2016
1. Xếp hạng chung	-	18	17	15	11	21
2. Hạ tầng kỹ thuật	-	19	17	9	8	22
<i>2.1. Hạ tầng kỹ thuật của xã hội</i>	-	21	30	14	19	18
<i>2.2 Hạ tầng kỹ thuật của các cơ quan nhà nước</i>	-	14	11	6	3	21
3. Hạ tầng nhân lực	-	32	16	14	8	43

Nội dung	Năm					
	2021	2020	2019	2018	2017	2016
3.1. Hạ tầng nhân lực của xã hội	-	18	12	12	11	48
3.2. Hạ tầng nhân lực của các cơ quan nhà nước	-	48	22	17	14	34
4. Xếp hạng ứng dụng CNTT	-	13	20	29	15	13
4.1. Ứng dụng CNTT nội bộ các cơ quan nhà nước	-	20	18	12	11	5
4.2. Dịch vụ công trực tuyến	-	15	25	40	20	14

b) Kết quả DTI

Năm 2020	Xếp hạng chung	Xếp hạng Chính quyền số	Xếp hạng Kinh tế số	Xếp hạng Xã hội số
Tỉnh Khánh Hòa	42	41	47	41

Năm 2020, DTI cấp tỉnh trung bình là 0,3026; Khánh Hòa đạt mức 0,2777, thuộc vị trí nhóm 3 (0,2500-0,3250) trên tổng số 04 nhóm xếp hạng về chuyển đổi số; xếp thứ 08/13 tỉnh khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (xếp trên các tỉnh Quảng Ngãi (0,2663), Đắk Nông (0,2557), Phú Yên (0,2157), Kon Tum (0,2411), Ninh Thuận (0,2108)).

3. Tồn tại, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế, bất cập đó trên cơ sở phân tích, đánh giá kết quả Chỉ số đạt được trong giai đoạn 2016-2020

- Một số cơ quan, địa phương chưa thật sự quan tâm đến ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; tư duy đổi mới và hành động trong thiết kế lại mô hình, tối ưu quy trình nghiệp vụ và trong áp dụng công nghệ, dữ liệu số để phục vụ quản lý, điều hành chỉ mới hình thành, chưa phát huy hiệu quả cao.

- Hạ tầng kỹ thuật dùng chung và hạ tầng an toàn thông tin của tỉnh còn hạn chế, thiếu đồng bộ do được đầu tư nâng cấp qua nhiều thời kỳ, mức độ đầu tư chưa đáp ứng so với nhu cầu.

- Các ứng dụng và CSDL chuyên ngành còn ít và thiếu đồng bộ, khả năng kết nối, tích hợp, chia sẻ thấp; việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin dùng chung còn chậm triển khai.

- Nguồn nhân lực tham mưu triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại địa phương còn hạn chế; số lượng và chất lượng đội ngũ CBCCVN trực tiếp tham mưu, tổ chức triển khai và quản lý vận hành các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh còn thiếu và yếu.

- Nguồn lực ngân sách đầu tư cho CNTT, chuyển đổi số của tỉnh còn rất thấp so với nhu cầu, yêu cầu thực tế và mặt bằng chung cả nước.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải thiện các Chỉ số giai

đoạn 2022 - 2025

a) Mục tiêu phải đạt được và các chỉ tiêu phần đầu (theo Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030)

- Đến năm 2025, Khánh Hòa nằm trong nhóm 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu về chuyển đổi số.

+ Về phát triển chính quyền số: 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (bao gồm cả thiết bị di động); 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Về phát triển kinh tế số: Kinh tế số chiếm tối thiểu 10% GDP của tỉnh; phần đầu 100% doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và trên 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh hoàn thành chuyển dịch lên nền tảng số.

+ Về phát triển xã hội số: Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã, phường; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%; tỷ lệ dân số sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số để tương tác với chính quyền đạt trên 50%.

- Đến năm 2030, Khánh Hòa nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đứng đầu về chuyển đổi số

+ Về phát triển chính quyền số: 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên cơ sở khai thác kho dữ liệu trực tuyến dùng chung của tỉnh; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; hình thành các nền tảng dữ liệu mở phục vụ các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước.

+ Về phát triển kinh tế số: Kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP của tỉnh; phần đầu 80% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoàn thành chuyển dịch lên nền tảng số.

+ Về phát triển hạ tầng số: Phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, mạng di động 5G; tỷ lệ dân số sử dụng các ứng dụng, dịch vụ số để tương tác với chính quyền đạt trên 80%.

b) Đề xuất giải pháp trọng tâm để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu phần đầu

- Nhiệm vụ, giải pháp phát triển chính quyền số

+ Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Bảo đảm hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền trên môi trường số; đẩy mạnh họp trực tuyến, họp không giấy, tăng cường trao đổi văn bản điện tử...

+ Triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 vào năm 2025 trên thiết bị di động thông minh để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước góp phần nâng cao chỉ số xếp hạng về chính quyền số của tỉnh.

+ Tăng cường giao dịch điện tử trong cung cấp dịch vụ công ích, nhất là việc triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân.

- Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

+ Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghệ sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh.

+ Tạo cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới; đẩy mạnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động trong giao dịch điện tử; phát triển thương mại điện tử an toàn, bền vững.

+ Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số; tham gia vào hệ sinh thái số của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và quốc tế.

+ Đẩy mạnh mô hình liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu nhằm hình thành các mô hình kinh doanh, sản xuất, sản phẩm, dịch vụ mới. Ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là công nghệ chuỗi khối, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn... trong tổ chức quản lý, phát triển kinh tế của tỉnh.

+ Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

- Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

+ Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để

đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

+ Thu hút đầu tư phát triển các khu, cụm dân cư, đô thị thông minh; khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương. Thực hiện thí điểm xây dựng khu dân cư điện tử ở một số địa phương có đủ điều kiện.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kết hợp kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm về cung cấp và sử dụng thông tin số; hướng đến xây dựng môi trường thông tin số lành mạnh, mang tri thức và có giá trị sử dụng cao.

+ Phổ cập điện thoại di động thông minh cho người dân (mỗi người dân một điện thoại di động thông minh), mỗi hộ gia đình một đường cáp quang; có chính sách khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.

c) Xây dựng Phụ lục các nhiệm vụ/công việc phải thực hiện, trong đó xác định cụ thể nhiệm vụ, sản phẩm/ kết quả đạt được, tiến độ thực hiện, phân công và cách thức thực hiện. Đồng thời, dự kiến kinh phí hoặc điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp đã xác định

Nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ cần triển khai thực hiện để hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 909/KH-UBND ngày 04/4/2022 ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 26/4/2022 về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022, trong đó xác định chi tiết, cụ thể các nhiệm vụ/công việc phải thực hiện, dự kiến kinh phí, kết quả đạt được, tiến độ thực hiện, phân công và cách thức thực hiện.

Sở Thông tin và Truyền thông kính gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, CNTTBCVT (N, 02).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hiên